

TỔNG CÔNG TY XDCTGT4
CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số: 493 /TKKT-CT

V/v giải trình chênh lệch số liệu BCTC
năm 2016 trước và sau kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 24 tháng 5 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty và số liệu Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán.

Công ty có phần 482 giải trình số liệu như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu đơn vị lập	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
I. Bảng cân đối kế toán :					
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	118,196,394,294	119,883,340,168	1,686,945,874	Tăng do bù trừ công nợ giữa các tài khoản
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	18,808,000,000	7,008,000,000	-11,800,000,000	Giảm do phân loại nợ ngắn hạn, nợ dài hạn
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	31,596,922,184	37,069,206,058	5,472,283,874	Tăng bù trừ công nợ giữa các tài khoản
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	1,347,421,945	3,177,621,235	1,830,199,290	Tăng do trích lập dự phòng thiếu
141	1. Hàng tồn kho	249,740,772,783	255,002,362,279	5,261,589,496	Tăng là do giảm giá vốn hàng bán
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	9,687,358	14,790,883	5,103,525	Tăng do điều chỉnh các mục thuế với nhau
216	Phải thu dài hạn khác	1,935,898,000	13,735,898,000	11,800,000,000	Tăng do phân loại nợ ngắn hạn, nợ dài hạn
313	Thuế và các khoản phải nộp NN	14,563,115,386	14,576,722,067	13,606,681	Tăng do tính thiếu thuế TNDN
315	Phải trả ngắn hạn	6,737,861,760	6,740,971,194	3,109,434	Tăng do hạch toán nhầm tài khoản
319	Phải trả ngắn hạn khác	81,894,755,882	92,639,294,553	10,744,538,671	Tăng do bù trừ công nợ giữa các tài khoản
320	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	104,275,443,065	107,494,532,631	3,219,089,566	Tăng do phân loại nợ ngắn hạn, nợ dài hạn
338	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	5,506,774,545	2,287,572,545	-3,219,202,000	Giảm do phân loại nợ ngắn hạn, nợ dài hạn
342	Dự phòng phải trả dài hạn	196,435,498		-196,435,498	Giảm do chuyển tài khoản
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13,034,379	47,047,004	34,012,625	Tăng do tăng lợi nhuận

Mã số	Chi tiêu	Số liệu đơn vị lập	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch
II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh					
02	Các khoản giảm trừ doanh thu				Tăng do đơn vị hạch toán vào chi phí khác, Kiểm toán điều chỉnh giảm doanh thu
10	Doanh thu thuần	304,968,932,407	730,145,247	730,145,247	
11	Giá vốn hàng bán	281,704,291,219	304,238,787,160	-730,145,247	Giảm do giảm trừ doanh thu
21	Chi phí tài chính	13,331,645,174	276,246,267,225	-5,458,023,994	Giảm do giảm doanh thu và xác định lại giá vốn
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,764,916,967	16,916,954,097	3,585,308,923	Tăng do hạch toán thiếu
32	11. Thu nhập khác	302,505,578	10,595,116,257	1,830,199,290	Tăng do trích lập dự phòng thiếu
40	12. Chi phí khác	973,843,838	58,306,987	-243,698,591	Giảm do Bù trừ thanh lý tài sản cố định; giảm phạt nộp
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	834,619,014	654,660,332	-319,183,006	Giảm do Bù trừ thanh lý tài sản cố định; giảm phạt nộp
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	166,923,803	222,473,963	-612,145,051	Giảm do hạch toán thiếu giá vốn hàng bán
			175,426,959	8,503,156	Tăng do tính thiếu thuế TNDN

Công ty cổ phần 482 giải trình những nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng tới chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính năm 2016 trước và sau kiểm toán như trên.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT



Trần Văn Long